TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PL
TỈNH BL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 14/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 07/3/2023
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PL– TỈNH BL

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn Đẹp**

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà **Dương Thị Tú Phương**

Ông **Huỳnh Quốc Khuyên**

Thư ký phiên tòa: Ông **Ngô Văn Trường** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh BL.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL, tỉnh BL tham gia phiên tòa: Bà **Đoàn Vũ Loan** – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PL, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 409/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2022 về việc ***"Tranh chấp ly hôn và nuôi con"*** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Anh **Trương Quốc T** – sinh năm: 1977.
Địa chỉ: Tổ 6, Khu phố PL, thị trấn PB, huyện XM, tỉnh BV.
Bị đơn: Chị **Nguyễn Ngọc H**, sinh năm 1989.
Địa chỉ: ấpC, xã PTB, huyện PL, tỉnh BL.

(Anh T vắng mặt có yêu cầu xét xử vắng mặt, chị H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 28/11/2022 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Trương Quốc T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị H xây dựng hôn nhân năm 2009, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đi đăng ký kết hôn theo quy định được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 12/12/2011 tại thị trấn PB, huyện XM tỉnh BV. Hiện anh T và H đã ly thân hơn mười năm nay. Lý do ly thân là do cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, bất đồng về cách sống từ đó mỗi người sống một nơi nhiều năm nay mà không hàng gắn được. Anh T xác định giữa anh và chị H không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống vợ chồng nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Ngọc H.

Về con chung: Quá trình chung sống anh T và chị H có một người con chung là cháu Trương Huy K, sinh ngày 04/7/2012, hiện cháu K đang sống chung với chị H, khi ly hôn anh T để con cho chị H nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn chị Nguyễn Ngọc H :*

Chị H được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án nên Tòa án không lấy lời khai và không ghi nhận được ý kiến của chị H.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PLtrình bày quan điểm*:

- Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với đương sự từ khi tham gia tố tụng đến nay, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn không thực hiện đúng theo giấy triệu tập của Tòa án.

- Về nội dung:

+ Về hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cho anh T được ly hôn với chị H.

+ Về con chung: Giao cháu Trương Huy K, sinh ngày 04/7/2012 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Về cấp dưỡng ghi nhận sự tự nguyện của anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Anh T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; sau khi nghe ý kiến phát biểu đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Anh Trương Quốc T yêu cầu ly hôn, nuôi con với chị Nguyễn Ngọc H, chị H có địa chỉ tại huyện PL, tỉnh BL nên căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh BL.

[2] Chị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử T hành xét xử vắng mặt chị H là phù hợp với quy định tại Điều 228 và Điều 238 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị H xây dựng hôn nhân năm 2009, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đi đăng ký kết hôn theo quy định được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 12/12/2011 tại thị trấn PB, huyện XM tỉnh BV, do đó hôn nhân của anh T, chị H là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Anh T và chị H đã ly thân thời gian dài khoảng 10 năm do cuộc sống chung không hạnh phúc, cả hai bỏ mặt nhau không gặp nhau để hàng gắn lại hôn nhân, anh T xác định không còn tình cảm với chị H, không thể tiếp tục chung sống với nhau được. Từ

đó cho thấy hôn nhân giữa anh T và chị H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh T, cho anh Trương Quốc T được ly hôn với chị Nguyễn Ngọc H.

[4] Về con chung: Anh T, chị H có một người con chung là cháu Trương Huy K, sinh ngày 04/7/2012 hiện đang sống chung với chị H, anh T đồng ý giao cháu K cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Xét thấy *"Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con".* Quá trình tiếp xúc cháu K có nguyện vọng sống với chị H. Nên Hội đồng xét xử giao cháu Trương Huy K, sinh ngày 04/7/2012 cho chị H được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Anh T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[6] Với những phân tích trên xét đề nghị của kiểm sát viên là có căn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh T phải chịu 300.000đ án phí không giá ngạch và 300.000đ án phí cấp dưỡng theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 107 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban tH vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trương Quốc T được ly hôn với chị Nguyễn Ngọc H.

2. Về con chung: Giao cháu Trương Huy K, sinh ngày 04/7/2012 cho chị Nguyễn Ngọc H được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung. Buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Trương Huy K, sinh ngày 04/7/2012 mỗi tháng 745.000đ, thời điểm cấp dưỡng từ ngày xét xử sơ thẩm ngày 07/03/2023 cho đến khi cháu K tròn 18 tuổi.

3. Tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí*:* Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000đ và án phí cấp dưỡng 300.000đ. Anh T đã nộp tiền tạm ứng án phí số tiền 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005595 ngày 16 tháng 12 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện PLnên được chuyển thu án phí trong giai đoạn thi hành án. Anh T còn phải nộp thêm 300.000đ án phí cấp dưỡng. Chị H không phải chịu án phí.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày tính kể từ ngày nhận hoặc niêm yết công khai bản án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện PL;
- Chi cục THADS huyện PL;
- TAND tỉnh BL;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Đẹp